# LỜI CẢM ƠN

Trong lời đầu tiên của báo cáo “Quản lý bán hàng tại nhà sách” này, em muốn gửi những lời cám ơn và biết ơn chân thành nhất của mình tới tất cả những người đã hỗ trợ, giúp đỡ chúng em về kiến thức và tinh thần trong quá trình thực hiện bài làm.

Chúng em xin chân thành gửi lời cảm ơn tới các thầy cô giáo trong Trường Đại học Điện Lực nói chung và các thầy cô giáo trong Khoa Công nghệ thông tin nói riêng đã tận tình giảng dạy, truyền đạt cho chúng tôi những kiến thức cũng như kinh nghiệm quý báu trong suốt quá trình học tập.

Đặc biệt, chúng em xin gửi lời cảm ơn đến Giáo viên hướng dẫn Bùi Khánh Linh, giảng viên Khoa Công nghệ thông tin - Trường Đại học Điện Lực. Cô đã tận tình theo sát giúp đỡ, trực tiếp chỉ bảo, hướng dẫn trong suốt quá trình nghiên cứu và học tập của chúng em. Trong thời gian học tập với cô, nhóm chúng em không những tiếp thu thêm nhiều kiến thức bổ ích mà còn học tập được tinh thần làm việc, thái độ nghiên cứu khoa học nghiêm túc, hiệu quả. Đây là những điều rất cần thiết cho chúng em trong quá trình học tập và công tác sau này.

Do thời gian thực hiện có hạn kiến thức còn nhiều hạn chế nên bài làm của chúng em chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của thầy cô giáo và các bạn để em có thêm kinh nghiệm và tiếp tục hoàn thiện đồ án của mình.

Chúng em xin chân thành cảm ơn!

Hà Nội, ngày 20 tháng 06 năm 2016

Những người thực hiện

Trần Thị Diệu Ninh

Bùi Thị Hải Vân

Chu Bảo Yến

# LỜI NÓI ĐẦU

Chúng ta đang sống trong một thời đại phát triển rực rỡ của CNTT. CNTT đã ở một bước phát triển cao đó là số hóa tất cả các dữ liệu thông tin, luân chuyển mạnh mẽ và kết nối tất cả chúng ta lại với nhau.

Mọi loại thông tin, âm thanh, hình ảnh có thể được đưa về dạng kỹ thuật số để bất kỳ máy tính nào cũng có thể lưu trữ, xử lý. Những công cụ và sự kết nối của thời đại kỹ thuật số cho phép chúng ta dễ dàng thu thập, chia sẻ thông tin và hành động trên cơ sở những thông tin này theo phương thức hoàn toàn mới.

Kéo theo hàng loạt sự thay đổi về các quan niệm, các tập tục, các thói quen truyền thống, và thậm chí cả cách nhìn các giá trị trong cuộc sống. CNTT đến với từng người dân, từng người quản lý, nhà khoa học, học sinh tiểu học...Không có lĩnh vực nào, không có nơi nào không có mặt của CNTT.

Trên thế giới và Việt Nam, một số lĩnh vực, ngành có tiềm năng và có nhu cầu đã ứng dụng mạnh mẽ công nghệ máy tính vào hỗ trợ quản lý từ quy mô nhỏ đến lớn, xử lý tính toán phục vụ mục đích tác nghiệp, mang tính ngắn hạn hoặc dài hạn. Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào thực tiễn là việc không thể không làm của mỗi ngành, mỗi doanh nghiệp, mỗi cơ quan, tổ chức. Nhưng phải tính toán sao cho thực hiện một cách triệt để, mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất đó mới là điều quan trọng. Hiện nay việc ứng dụng CNTT vào quản lý cửa hàng rất được chú trọng.

Hiện nay các nhà sách cũng đã triển khai việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình làm việc như: quản lý số lượng khách hàng , số lượng sách còn tôn đọng ,…và đã gặt hái được rất nhiều hiệu quả .Với sự hỗ trợ của các phần mêm ứng dụng tin học việc quản lý nhà sách trở nên dễ dàng hơn rất nhiều. Đó là giúp người quản lý làm việc đơn giản hơn trong công tác quản lý nhà sách, minh bạch các hoạt động của nhà sách từ đó kiểm soát được mọi hoạt động kinh doanh và thúc đẩy doanh thu của nhà sách.

Nhận thấy được sự cần thiết và quan trọng về việc Quản lý nhà sách hiện nay, chúng em đã tìm hiểu và xây dựng hệ thống Quản lý nhà sách cho Nhà sách Mạnh Trưởng ( Số 1068 đường Láng, Quận Đống Đa, TP.Hà Nội).

**Khảo sát quản lý nhà sách gồm có :**

1. **Phân tích và thiết kế cơ sở dữ liệu.**
2. **Các câu lệnh Trigger**

**MỤC LỤC**

**CHƯƠNG 1. ĐỊNH HƯỚNG ĐỀ TÀI** 4

* 1. Mục tiêu nghiên cứu 4
  2. Yêu cầu 4
  3. Phạm vi nghiên cứu 4
  4. Kết quả cần đạt được 4

**CHƯƠNG 2. KHẢO SÁT + PHÂN TÍCH BÀI TOÁN**

2.1. Đưa ra địa điểm khảo sát 5

* 1. Bài toán thực tế 5
  2. Ưu điểm và nhược điểm khi chưa tin học hóa 5
  3. Ưu điểm và nhược điểm khi tin học hóa 6

**CHƯƠNG 3. THIẾT KẾ BÀI TOÁN**

* 1. Giới thiệu chung về cơ sở dữ liệu 7
     1. Khái niệm về thông tin và cơ sở dữ liệu 7
     2. Các thành phần của cơ sở dữ liệu 8
     3. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu 8
  2. Đưa ra cơ sở dữ liệu định tạo 9

( Dựa vào bài toán thực tế và thuộc tính)

* 1. Từ điển dữ liệu (dạng bảng) 9
  2. Database Diagrams 13

**CHƯƠNG 4. CÂU TRUY VẤN QUAN TRỌNG** 14

\* Trigger trên bảng CHITIETHD 30

\* Trigger trên bảng CHITIETPN 33

**CHƯƠNG 5. KẾT LUẬN** 36

**CHƯƠNG 1: ĐỊNH HƯỚNG ĐỀ TÀI**

* 1. **Mục tiêu nghiên cứu:** Xây dựng hệ quản trị cơ sở dữ liệu dùng trong cửa hàng sách.
  2. **Yêu cầu:**
* Điều hành cửa hàng sách được hiệu quả nhất .
* Giúp nhân viên quán dể dàng phục phụ khách hàng một cách tốt nhất.
* Quản lý cửa hàng quản lý tất cả các công việc một cách tốt nhất.
  1. **Phạm vi nghiên cứu**: Trong thời gian thực hiện đề tài, nhóm tác giả cố gắng nghiên cứu tìm hiểu một số nội dung sau:
* Khảo sát hiện trạng trực tiếp tại các cửa hàng sách ... qua đó biết được hệ thống quản lí sách để đưa ra giải pháp tốt nhất.
* Phân tích và nghiên cứu mô hình quản lý cửa hàng sách đó.
  1. **Kết quả cần đạt được**: Nhóm xây dựng được hệ quản trị cơ sở dữ liệu: *Quản lý nhà sách* có thể giúp:
* Quản lý lượng được lượng sách nhập vào và bán ra, đưa ra kế hoạch nhập sách phù hợp với thị trường hiện nay, để thu về được lợi nhuận cao nhất cho cửa hàng.
* Xây dựng được hệ thống quản lý cửa hàng, nhân viên, thu chi hiệu quả,….

**CHƯƠNG 2. KHẢO SÁT + PHÂN TÍCH BÀI TOÁN**

* 1. **Đưa ra địa điểm khảo sát:** Nhà sách Mạnh Trưởng 1068 đường Láng, Quận Đống Đa, TP.Hà Nội.
  2. **Bài toán thực tế**

Bài toán xây dựng CSDL để quản lý cửa hàng sách:

Cửa hàng bán sách chuyên bán các đầu sách cho mọi độc giả.

Mỗi đầu sách có: mã sách, tên sách, số lượng, đơn giá, mã tác giả, mã nhà xuất bản, mã loại sách, số trang, mô tả sách.

Thông tin về phiếu nhập: số phiếu nhập, mã nhân viên, mã nhà cung cấp, ngày nhập, tổng tiền.

Mỗi phiếu nhập bao gồm các thông tin: mã sách, số phiếu nhập, số lượng phiếu nhập, đơn giá nhập, thành tiền, đơn vị tính.

Thông tin các hóa đơn: số hóa đơn, mã nhân viên, mã khách hàng, ngày bán, tổng tiền.

Mỗi hóa đơn có ghi: mã sách, số hóa đơn, số lượng bán,giá bán, thành tiền.

Thông tin về nhà cung cấp gồm: mã nhà cung cấp, tên nhà cung cấp, địa chỉ, điện thoại.

Mỗi nhân viên đều có những thông tin: mã nhân viên, họ tên nhân viên, ngày sinh, giới tính, địa chỉ, điện thoại.

Thông tin khách hàng lưu trữ gồm có: mã khách hàng, họ tên, địa chỉ, số điện thoại.

* 1. **Ưu điểm và nhược điểm khi chưa tin học hóa**
     1. Nhược điểm

- Mất thời gian trong việc thống kê việc nhập xuất sản phẩm.

- Không quản lý được khách hàng quen thuộc và khách hàng tiềm năng.

- Xử lý việc phát sinh mất thời gian(khách đổi trả hàng, hàng bị lỗi, hàng tồn kho....).

- Cồng kềnh, đi đâu cũng phải mang theo sổ sách.

- Độ an toàn của phương pháp này không cao.

- Nếu như bị trộm cắp, hỏa hoạn thì dữ liệu sẽ bị mất hoàn toàn.

* + 1. Ưu điểm

- Thích hợp quản lý những việc nhỏ, có tính chất một chiều.

* 1. **Ưu điểm và nhược điểm khi đã tin học hóa**
     1. Ưu điểm:
* Nhanh chóng thống kê được việc xuất và nhập hàng.
* Quản lý được những khách hàng quen thuộc và tiềm năng.
* Có thể áp dụng thanh toán qua thẻ tín dụng.
* Không cồng kềnh
* Khó bị mất và không mất dữ liệu khi gặp hỏa hoạn...
  + 1. Nhược điểm

- Khó quản lý trong các công việc nhỏ lẻ.

**CHƯƠNG 3. THIẾT KẾ BÀI TOÁN**

* 1. **Giới thiệu chung về cơ sở dữ liệu**
     1. Những khái niệm về thông tin và cơ sở dữ liệu

*Dữ liệu* và *thông tin* là hai khái niệm thường được dùng lẫn lộn dù chúng là hai khái niệm khác nhau. Dữ liệu là các con số, các dữ liệu về một đối tượng nào đó. Thông tin có thể coi như dữ liệu đã xử lí ở dạng tiện dùng, dễ hiểu. Như vậy thông tin có thể ví như đầu ra còn dữ liệu giống như đầu vào.

Người ta còn định nghiã thông tin là sự phản ánh và biến thành tri thức mới của chủ thể phản ánh. Qua các định nghĩa đó ta có thể thấy thông tin luôn được gắn với sự tiện dùng, có ích đối với chủ thể nhận tin. Khái niệm dữ liệu và thông tin là hai khái niệm cơ bản dùng trong hệ thống thông tin.

*Hệ thống thông tin*(HTTT) là một tập hợp các yếu tố có liên quan với nhau cùng làm nhiệm vụ thu thập, xử lí, lưu trữ và phân phối thông tin để nhằm mục đích hỗ trợ cho việc ra quyết định, phân tích tình hình, lập kế hoạch, điều phối kiểm soát tình hình hoạt động của cơ quan.

Trong hệ thống thông tin người ta lưu trữ và quản lí dữ liệu trong những kho dữ liệu, đó là nơi cất giữ dữ liệu một cách có tổ chức sao cho có thể tìm kiếm nhanh chóng các dữ liệu cần thiết. Nếu kho dữ liệu này được cài đặt trên các phương tiện nhớ của máy tính điện tử và được bảo quản nhờ các chương trình của máy tính(phần mềm quản trị dữ liệu) thì được gọi là *ngân hàng dữ liệu* hay *hệ cơ sở dữ liệu.*

Nếu ta ứng dụng tin học vào công tác quản lí thư viện thì hệ thống thông tin của thư viện sẽ được lưu trữ trong các phương tiện nhớ của máy tính điện tử, kho dữ liệu của hệ thống thông tin thư viện sẽ được được bảo quản bởi một chương trình, chương trình này cho phép lưu trữ, tìm kiếm, thêm, xoá... thuận tiện mà không cần phải lưu trữ ra giấy.

Cơ sở dữ liệu là một tập hợp dữ liệu được tổ chức có cấu trúc, được lưu trữ trên những phương tiện trữ tin thoả mãn một cách đồng thời và có chọn lọc cho nhiều người dùng khác nhau và cho những mục đích khác nhau.

Đặc tính của cơ sở dữ liệu là giảm trùng lặp dữ liệu, chia sẻ cho nhiều người dùng, truy suất dễ dàng. Dữ liệu đảm bảo tính nhất quán, bảo mật và có thể phục hồi.

* + 1. Các thành phần của cơ sở dữ liệu

**Ngôn ngữ mô tả dữ liệu**: Bao gồm mô tả cấu trúc của cơ sở dữ liệu và mô tả các liên hệ của dữ liệu, các loại ràng buộc.

**Ngôn ngữ sử dụng dữ liệu**: có đặc tính như ngôn ngữ lập trìnhdùng để: truy xuất, cập nhật và khai thác dữ liệu.

**Từ điển dữ liệu**: là nơi tập trung lưu trữ về thành phần cấu trúc của cơ sở dữ liệu, chương trương trình, mã bảo mật và thẩm quyền sử dụng.

* + 1. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu

Hệ quản tri CSDL: là các phần mềm cho phép xây dựng CSDL và cung cấp công cụ để thao tác trên CSDL đó. Các hệ quản trị CSDL hiện nay gồm có T-SQL, Access, Visual Fox, SQL server..

Các mức biểu diễn của CSDL.

* Mức biểu diễn ngoài hay gọi là lược đồ ngoài: đây là mức đặc tả dữ liệu theo quan niệm của người dùng.
* Mức biểu diễn trong hay lược đồ vật lý trong: dặc tả dữ liệu được lưu trữ phù hợp với thiết bị lưu trữ tin hoặc tổ chức lưu trữ của hệ điều hành.
* Mức biểu diễn quan niệm hay lược đồ quan niệm: là quá trình diễn đạt thế giới thực bằng ngôn ngữ định nghĩa dữ liệu.

Ngôn ngữ mô tả dữ liệu (Data Definition Language - DDL) gồm:

* Mô tả cấu trúc của CSDL.
* Mô tả các liên hệ của dữ liệu, các loại ràng buộc.

Ngôn ngữ sở dụng dữ liệu (Data Manipulation Language – DML): có đặc tính như ngôn ngữ lập trình dùng để:

* Truy xuất dữ liệu.
* Cập nhật dữ liệu.
* Khai thác dữ liệu.

Từ điển dữ liệu (Data Dictionnary – DD): là nơi tập trung lưu trữ về:

* Thành phần cấu trúc của CSDL (thuộc tính., mối quan hệ v.v...)
* Chương trình.
* Mã bảo mật, thẩm quyền sử dụng.

Các khái niệm cơ bản:

* Thực thể (entity) hay đối tượng (object): là khái niệm để chỉ một vật cụ thể hay trừu tượng trong thế giới thực. Ta có thể phân biệt thực thể này hay thực thể khác.
* Thuộc tính (attribute): là các tính chất của thực thể.
* Thực thể có chung thuộc tính: thành lập tập các thực thể hay tập các đối tượng mà các thuộc tính đó luôn luôn phải có.
  1. Dựa vào bài toán thực tế và các thuộc tính ta đưa ra **bảng dữ liệu định tạo** như sau:

**- KHACH**( MAKH, HOTENKH, DIACHI, SDT)

**- HOADON** ( MAHD, MANV, MAKH, NGAYBAN, DVT,TONGTIEN)

**- NHACC** (MANCC, TENNCC, DIACHI, SDT)

**- TACGIA** (MATG, TENTG, SDT)

**- THELOAI(**MATL, TENTL**)**

**- NHANVIEN** (MANV, HOTENNV, NGAYSINH, GIOITINH, DIACHI, SDT)

**- PHIEUNHAP** (SOPN, MANV, MANCC, NGAYNHAP, TONGTIEN)

**- CHITIETPN** (SOPN, MAS, SOLUONG, GIANHAP, DVT, THANHTIEN)

**- SACH** ( MAS, TENS, SOLUONGTON, DONGIA, MATG,NXB, MATL)

**- CHITIETHD** ( SOHD, MAS, SOLUONG, GIABAN, DVT,THANHTIEN)

* 1. **Từ điển dữ liệu**
     1. KHACH

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Column Name | Data Type | Allow Nulls |
| MAKH | Nvarchar(50) |  |
| HOTENKH | Nvarchar(50) | √ |
| DIACHI | Nvarchar(50) | √ |
| SDT | Nvarchar(20) | √ |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Column Name | Data Type | Allow Nulls |
| MAHD | Nvarchar(50) |  |
| MANV | Nvarchar(50) | √ |
| MAKH | Nvarchar(50) | √ |
| DVT | Nvarchar(50) | √ |
| NGAYBAN | Date | √ |
| TONGTIEN | Money | √ |

* + 1. HOADON
    2. NHACC

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Column Name | Data Type | Allow Nulls |
| MANCC | Nvarchar(50) |  |
| TENNCC | Nvarchar(50) | √ |
| DIACHI | Nvarchar(50) | √ |
| SDT | Nvarchar(20) | √ |

* + 1. TACGIA

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Column Name | Data Type | Allow Nulls |
| MATG | Nvarchar(50) |  |
| TENTG | Nvarchar(50) | √ |
| SDT | Nvarchar(20) | √ |

* + 1. THELOAI

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Column Name | Data Type | Allow Nulls |
| MATL | Nvarchar(50) |  |
| TENTL | Nvarchar(20) | √ |

* + 1. NHANVIEN

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Column Name | Data Type | Allow Nulls |
| MANV | Nvarchar(50) |  |
| HOTENNV | Nvarchar(50) | √ |
| NGAYSINH | Date | √ |
| GIOITINH | Nvarchar(50) | √ |
| DIACHI | Nvarchar(50) | √ |
| SDT | Nvarchar(20) | √ |

* + 1. PHIEUNHAP

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Column Name | Data Type | Allow Nulls |
| MAPN | Nvarchar(50) |  |
| MANV | Nvarchar(50) | √ |
| MANCC | Nvarchar(50) | √ |
| NGAYNHAP | Date | √ |
| TONGTIEN | Money | √ |

* + 1. CHITIETPN

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Column Name | Data Type | Allow Nulls |
| MAPN | Nvarchar(50) |  |
| MAS | Nvarchar(50) |  |
| SOLUONG | Int | √ |
| GIANHAP | Money | √ |
| DVT | Nvarchar(50) | √ |
| TONGTIEN | Money | √ |

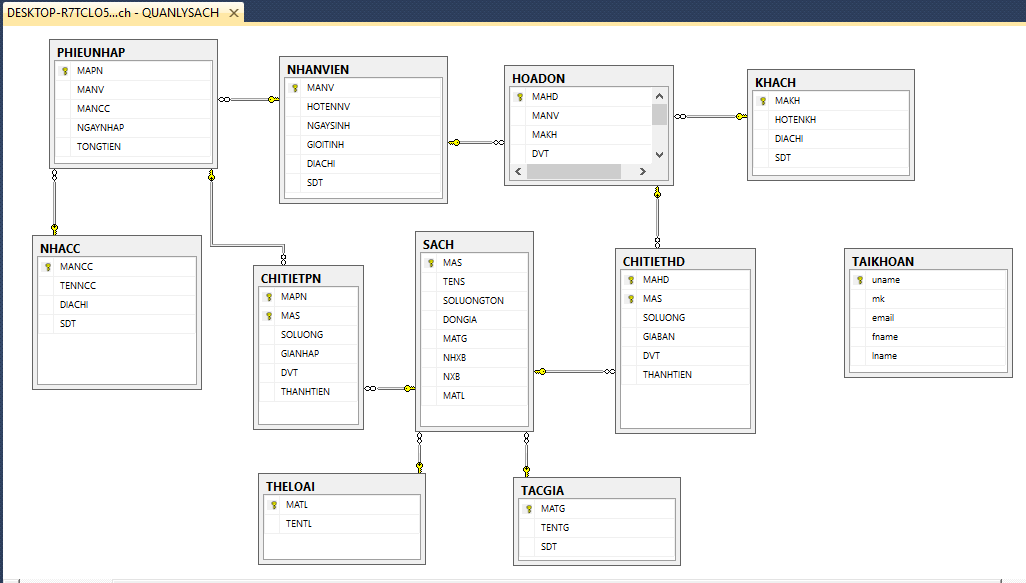
* + 1. SACH

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Column Name | Data Type | Allow Nulls |
| MAS | Nvarchar(50) |  |
| TENS | Nvarchar(50) | √ |
| SOLUONGTON | Int | √ |
| DONGIA | Money | √ |
| MATG | Nvarchar(50) | √ |
| NHXB | Nvarchar(50) | √ |
| NXB | Nvarchar(50) | √ |
| MATL | Nvarchar(50) | √ |

* + 1. CHITIETHD

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Column Name | Data Type | Allow Nulls |
| MAHD | Nvarchar(50) |  |
| MAS | Nvarchar(50) |  |
| SOLUONG | Int | √ |
| GIABAN | Money | √ |
| DVT | Nvarchar(50) | √ |
| THANHTIEN | Money | √ |

* 1. **Việc liên kết các bảng như sau ( Database Diagrams)**

****

**CHƯƠNG 4. CÂU TRUY VẤN QUAN TRỌNG**

USE [QuanLyBanSach]

GO

/\*\*\*\*\*\* Object: StoredProcedure [dbo].[checkIDCthd] \*\*\*\*\*\*/

SET ANSI\_NULLS ON

GO

SET QUOTED\_IDENTIFIER ON

GO

ALTER PROCEDURE [dbo].[checkIDCthd]

@mahd NVARCHAR(50),

@mas nvarchar(50)

AS

BEGIN

SELECT \* FROM CHITIETHD WHERE mahd = @mahd and mas=@mas

END

USE [QuanLyBanSach]

GO

/\*\*\*\*\*\* Object: StoredProcedure [dbo].[checkIDCthd1] PM \*\*\*\*\*\*/

SET ANSI\_NULLS ON

GO

SET QUOTED\_IDENTIFIER ON

GO

ALTER PROCEDURE [dbo].[checkIDCthd1]

@ma NVARCHAR(50)

AS

BEGIN

SELECT \* FROM CHITIETHD WHERE mahd = @ma

END

USE [QuanLyBanSach]

GO

/\*\*\*\*\*\* Object: StoredProcedure [dbo].[checkIDCtpn] \*\*\*\*\*\*/

SET ANSI\_NULLS ON

GO

SET QUOTED\_IDENTIFIER ON

GO

ALTER PROCEDURE [dbo].[checkIDCtpn]

@mapn NVARCHAR(50),

@mas nvarchar(50)

AS

BEGIN

SELECT \* FROM CHITIETPN WHERE mapn = @mapn and mas=@mas

END

USE [QuanLyBanSach]

GO

/\*\*\*\*\*\* Object: StoredProcedure [dbo].[checkIDCtpn1] \*\*\*\*\*\*/

SET ANSI\_NULLS ON

GO

SET QUOTED\_IDENTIFIER ON

GO

ALTER PROCEDURE [dbo].[checkIDCtpn1]

@ma NVARCHAR(50)

AS

BEGIN

SELECT \* FROM CHITIETPN WHERE mapn = @ma

END

USE [QuanLyBanSach]

GO

/\*\*\*\*\*\* Object: StoredProcedure [dbo].[checkIDTK] \*\*\*\*\*\*/

SET ANSI\_NULLS ON

GO

SET QUOTED\_IDENTIFIER ON

GO

ALTER PROCEDURE [dbo].[checkIDTK]

@ma AS NVARCHAR(50)

AS

BEGIN

SELECT mk FROM dbo.TaiKhoan WHERE uname = @ma

END

USE [QuanLyBanSach]

GO

/\*\*\*\*\*\* Object: StoredProcedure [dbo].[checkUsername] PM \*\*\*\*\*\*/

SET ANSI\_NULLS ON

GO

SET QUOTED\_IDENTIFIER ON

GO

ALTER PROCEDURE [dbo].[checkUsername]

@uname nvarchar(50)

AS

BEGIN

SELECT \* FROM TAIKHOAN WHERE uname = @uname

END

USE [QuanLyBanSach]

GO

/\*\*\*\*\*\* Object: StoredProcedure [dbo].[insertCHITIETHD] \*\*\*\*\*\*/

SET ANSI\_NULLS ON

GO

SET QUOTED\_IDENTIFIER ON

GO

ALTER PROCEDURE [dbo].[insertCHITIETHD]

-- Add the parameters for the stored procedure here

@mahd NVARCHAR(50),

@mas NVARCHAR(50),

@soluong int,

@giaban money,

@dvt nvarchar(50)

AS

BEGIN

-- SET NOCOUNT ON added to prevent extra result sets from

-- interfering with SELECT statements.

INSERT INTO CHITIETHD

( mahd,mas,soluong,giaban,dvt)

VALUES ( @mahd, @mas,@soluong,@giaban,@dvt)

END

USE [QuanLyBanSach]

GO

/\*\*\*\*\*\* Object: StoredProcedure [dbo].[insertCHITIETPN] \*\*\*\*\*\*/

SET ANSI\_NULLS ON

GO

SET QUOTED\_IDENTIFIER ON

GO

ALTER PROCEDURE [dbo].[insertCHITIETPN]

-- Add the parameters for the stored procedure here

@mapn NVARCHAR(50),

@mas NVARCHAR(50),

@soluong int,

@gianhap money,

--@thanhtien money,

@dvt nvarchar(50)

AS

BEGIN

-- SET NOCOUNT ON added to prevent extra result sets from

-- interfering with SELECT statements.

INSERT INTO CHITIETPN

( mapn,mas,soluong,gianhap,dvt)

VALUES ( @mapn, @mas,@soluong,@gianhap,@dvt)

END

USE [QuanLyBanSach]

GO

/\*\*\*\*\*\* Object: StoredProcedure [dbo].[insertTK] \*\*\*\*\*\*/

SET ANSI\_NULLS ON

GO

SET QUOTED\_IDENTIFIER ON

GO

ALTER PROCEDURE [dbo].[insertTK]

@uname NVARCHAR(50),

@fname NVARCHAR(50),

@lname NVARCHAR(50),

@email nvarchar(50),

@mk nvarchar(50)

AS

BEGIN

-- SET NOCOUNT ON added to prevent extra result sets from

-- interfering with SELECT statements.

INSERT INTO dbo.TaiKhoan

(uname, mk,fname,lname,email )

VALUES ( @uname,

@mk ,

@fname, @lname,

@email

)

END

USE [QuanLyBanSach]

GO

/\*\*\*\*\*\* Object: StoredProcedure [dbo].[loadCHITIETPN] \*\*\*\*\*\*/

SET ANSI\_NULLS ON

GO

SET QUOTED\_IDENTIFIER ON

GO

ALTER PROCEDURE [dbo].[loadCHITIETPN]

@ma nvarchar(50)

-- Add the parameters for the stored procedure here

AS

BEGIN

SELECT \* FROM CHITIETPN where mapn=@ma

END

USE [QuanLyBanSach]

GO

/\*\*\*\*\*\* Object: StoredProcedure [dbo].[loadDvt] \*\*\*\*\*\*/

SET ANSI\_NULLS ON

GO

SET QUOTED\_IDENTIFIER ON

GO

ALTER PROCEDURE [dbo].[loadDvt]

-- Add the parameters for the stored procedure here

AS

BEGIN

SELECT DISTINCT dvt FROM CHITIETPN

END

USE [QuanLyBanSach]

GO

/\*\*\*\*\*\* Object: StoredProcedure [dbo].[loadGiaBan] \*\*\*\*\*\*/

SET ANSI\_NULLS ON

GO

SET QUOTED\_IDENTIFIER ON

GO

ALTER PROCEDURE [dbo].[loadGiaBan]

-- Add the parameters for the stored procedure here

@ma nvarchar(50)

AS

BEGIN

SELECT dongia FROM SACH where mas=@ma

END

USE [QuanLyBanSach]

GO

/\*\*\*\*\*\* Object: StoredProcedure [dbo].[loadNXB] \*\*\*\*\*\*/

SET ANSI\_NULLS ON

GO

SET QUOTED\_IDENTIFIER ON

GO

ALTER PROCEDURE [dbo].[loadNXB]

-- Add the parameters for the stored procedure here

AS

BEGIN

SELECT nxb FROM SACH

END

USE [QuanLyBanSach]

GO

/\*\*\*\*\*\* Object: StoredProcedure [dbo].[removeItemCthd] \*\*\*\*\*\*/

SET ANSI\_NULLS ON

GO

SET QUOTED\_IDENTIFIER ON

GO

ALTER PROCEDURE [dbo].[removeItemCthd]

@mahd NVARCHAR(50),

@mas nvarchar(50)

AS

BEGIN

DELETE FROM CHITIETHD WHERE mahd=@mahd and mas = @mas

END

USE [QuanLyBanSach]

GO

/\*\*\*\*\*\* Object: StoredProcedure [dbo].[removeItemCtpn] \*\*\*\*\*\*/

SET ANSI\_NULLS ON

GO

SET QUOTED\_IDENTIFIER ON

GO

ALTER PROCEDURE [dbo].[removeItemCtpn]

@mapn NVARCHAR(50),

@mas nvarchar(50)

AS

BEGIN

DELETE FROM CHITIETPN WHERE mapn=@mapn and mas = @mas

END

USE [QuanLyBanSach]

GO

/\*\*\*\*\*\* Object: StoredProcedure [dbo].[updateItemCthd] \*\*\*\*\*\*/

SET ANSI\_NULLS ON

GO

SET QUOTED\_IDENTIFIER ON

GO

ALTER PROCEDURE [dbo].[updateItemCthd]

@mahd NVARCHAR(50),

@mas NVARCHAR(50),

@soluong int,

@giaban money,

@dvt nvarchar(50)

AS

BEGIN

UPDATE CHITIETHD SET soluong=@soluong,giaban=@giaban,dvt=@dvt

WHERE mahd=@mahd and mas=@mas

END

USE [QuanLyBanSach]

GO

/\*\*\*\*\*\* Object: StoredProcedure [dbo].[updateItemCtpn] \*\*\*\*\*\*/

SET ANSI\_NULLS ON

GO

SET QUOTED\_IDENTIFIER ON

GO

ALTER PROCEDURE [dbo].[updateItemCtpn]

@mapn NVARCHAR(50),

@mas NVARCHAR(50),

@soluong NVARCHAR(50),

@gianhap money,

@dvt nvarchar(50)

AS

BEGIN

UPDATE CHITIETPN SET soluong=@soluong,gianhap=@gianhap,dvt=@dvt

WHERE mas=@mas and mapn=@mapn

END

USE [QuanLyBanSach]

GO

/\*\*\*\*\*\* Object: StoredProcedure [dbo].[searchBy2TongTien] \*\*\*\*\*\*/

SET ANSI\_NULLS ON

GO

SET QUOTED\_IDENTIFIER ON

GO

ALTER PROCEDURE [dbo].[searchBy2TongTien]

@t As int,

@tt As int

AS

BEGIN

SELECT \* FROM HOADON

WHERE tongtien between @t and @tt

END

USE [QuanLyBanSach]

GO

/\*\*\*\*\*\* Object: StoredProcedure [dbo].[searchByMonth] \*\*\*\*\*\*/

SET ANSI\_NULLS ON

GO

SET QUOTED\_IDENTIFIER ON

GO

ALTER proc [dbo].[searchByMonth]

@thang As int,@nam As int

as

BEGIN

SELECT \* FROM HOADON WHERE MONTH(ngayban)=@thang and YEAR(ngayban)=@nam

END

USE [QuanLyBanSach]

GO

/\*\*\*\*\*\* Object: StoredProcedure [dbo].[searchDcKHACH] \*\*\*\*\*\*/

SET ANSI\_NULLS ON

GO

SET QUOTED\_IDENTIFIER ON

GO

ALTER PROCEDURE [dbo].[searchDcKHACH]

@ma NVARCHAR(50)

AS

BEGIN

SELECT \* FROM KHACH

WHERE diachi LIKE '%'+ @ma+ '%'

END

USE [QuanLyBanSach]

GO

/\*\*\*\*\*\* Object: StoredProcedure [dbo].[searchDcNHACC] \*\*\*\*\*\*/

SET ANSI\_NULLS ON

GO

SET QUOTED\_IDENTIFIER ON

GO

ALTER PROCEDURE [dbo].[searchDcNHACC]

@ma NVARCHAR(50)

AS

BEGIN

SELECT \* FROM NHACC

WHERE diachi LIKE '%'+ @ma+ '%'

END

USE [QuanLyBanSach]

GO

/\*\*\*\*\*\* Object: StoredProcedure [dbo].[searchDcNv] SET ANSI\_NULLS ON

GO

SET QUOTED\_IDENTIFIER ON

GO

ALTER PROCEDURE [dbo].[searchDcNv]

@ma NVARCHAR(50)

AS

BEGIN

SELECT \* FROM NHANVIEN

WHERE diachi LIKE '%'+ @ma+ '%'

END

USE [QuanLyBanSach]

GO

/\*\*\*\*\*\* Object: StoredProcedure [dbo].[searchHOADON] \*\*\*\*\*\*/

SET ANSI\_NULLS ON

GO

SET QUOTED\_IDENTIFIER ON

GO

ALTER PROCEDURE [dbo].[searchHOADON]

@ma NVARCHAR(50)

AS

BEGIN

SELECT \* FROM HOADON

WHERE mahd LIKE '%'+ @ma+ '%'

END

USE [QuanLyBanSach]

GO

/\*\*\*\*\*\* Object: StoredProcedure [dbo].[searchHoTenNv] \*\*\*\*\*\*/

SET ANSI\_NULLS ON

GO

SET QUOTED\_IDENTIFIER ON

GO

ALTER PROCEDURE [dbo].[searchHoTenNv]

@ma NVARCHAR(50)

AS

BEGIN

SELECT \* FROM NHANVIEN

WHERE hotennv LIKE '%'+ @ma+ '%'

END

USE [QuanLyBanSach]

GO

/\*\*\*\*\*\* Object: StoredProcedure [dbo].[searchIdKHACH] \*\*\*\*\*\*/

SET ANSI\_NULLS ON

GO

SET QUOTED\_IDENTIFIER ON

GO

ALTER PROCEDURE [dbo].[searchIdKHACH]

@ma NVARCHAR(50)

AS

BEGIN

SELECT \* FROM KHACH

WHERE makh LIKE '%'+ @ma+ '%'

END

USE [QuanLyBanSach]

GO

/\*\*\*\*\*\* Object: StoredProcedure [dbo].[searchIDNcc] \*\*\*\*/

SET ANSI\_NULLS ON

GO

SET QUOTED\_IDENTIFIER ON

GO

ALTER PROCEDURE [dbo].[searchIDNcc]

@ma NVARCHAR(50)

AS

BEGIN

SELECT \* FROM PHIEUNHAP

WHERE mancc LIKE '%'+ @ma+ '%'

END

USE [QuanLyBanSach]

GO

/\*\*\*\*\*\* Object: StoredProcedure [dbo].[searchIDNv] \*\*\*\*\*\*/

SET ANSI\_NULLS ON

GO

SET QUOTED\_IDENTIFIER ON

GO

ALTER PROCEDURE [dbo].[searchIDNv]

@ma NVARCHAR(50)

AS

BEGIN

SELECT \* FROM PHIEUNHAP

WHERE manv LIKE '%'+ @ma+ '%'

END

USE [QuanLyBanSach]

GO

/\*\*\*\*\*\* Object: StoredProcedure [dbo].[searchIdNVofHD] 10:07:44 PM \*\*\*\*\*\*/

SET ANSI\_NULLS ON

GO

SET QUOTED\_IDENTIFIER ON

GO

ALTER PROCEDURE [dbo].[searchIdNVofHD]

@ma NVARCHAR(50)

AS

BEGIN

SELECT \* FROM HOADON

WHERE manv LIKE '%'+ @ma+ '%'

END

USE [QuanLyBanSach]

GO

/\*\*\*\*\*\* Object: StoredProcedure [dbo].[searchNgayNhap] \*\*\*\*\*\*/

SET ANSI\_NULLS ON

GO

SET QUOTED\_IDENTIFIER ON

GO

ALTER PROCEDURE [dbo].[searchNgayNhap]

@d NVARCHAR(50),

@m nvarchar(50),

@y nvarchar(50)

AS

BEGIN

SELECT \* FROM PHIEUNHAP

WHERE (Day(ngaynhap)=@d and MONTH(ngaynhap)=@m and YEAR(ngaynhap)=@y)

END

USE [QuanLyBanSach]

GO

/\*\*\*\*\*\* Object: StoredProcedure [dbo].[searchNgayNhap2] \*\*\*\*\*\*/

SET ANSI\_NULLS ON

GO

SET QUOTED\_IDENTIFIER ON

GO

ALTER PROCEDURE [dbo].[searchNgayNhap2]

@m nvarchar(50),

@y nvarchar(50)

AS

BEGIN

SELECT \* FROM PHIEUNHAP

WHERE ( MONTH(ngaynhap)=@m and YEAR(ngaynhap)=@y)

END

USE [QuanLyBanSach]

GO

/\*\*\*\*\*\* Object: StoredProcedure [dbo].[searchNgaySinhNv] \*\*\*\*\*\*/

SET ANSI\_NULLS ON

GO

SET QUOTED\_IDENTIFIER ON

GO

ALTER PROCEDURE [dbo].[searchNgaySinhNv]

@d NVARCHAR(50),

@m nvarchar(50),

@y nvarchar(50)

AS

BEGIN

SELECT \* FROM NHANVIEN

WHERE Day(ngaysinh)=@d and MONTH(ngaysinh)=@m and YEAR(ngaysinh)=@y

END

USE [QuanLyBanSach]

GO

/\*\*\*\*\*\* Object: StoredProcedure [dbo].[searchSACH] \*\*\*\*\*\*/

SET ANSI\_NULLS ON

GO

SET QUOTED\_IDENTIFIER ON

GO

ALTER PROCEDURE [dbo].[searchSACH]

@ma NVARCHAR(50)

AS

BEGIN

SELECT \* FROM SACH

WHERE tens LIKE '%'+ @ma+ '%'

END

USE [QuanLyBanSach]

GO

/\*\*\*\*\*\* Object: StoredProcedure [dbo].[searchSdtKHACH] \*\*\*\*\*\*/

SET ANSI\_NULLS ON

GO

SET QUOTED\_IDENTIFIER ON

GO

ALTER PROCEDURE [dbo].[searchSdtKHACH]

@ma NVARCHAR(50)

AS

BEGIN

SELECT \* FROM KHACH

WHERE sdt LIKE @ma+ '%'

END

USE [QuanLyBanSach]

GO

/\*\*\*\*\*\* Object: StoredProcedure [dbo].[searchSdtNHACC] \*\*\*\*\*\*/

SET ANSI\_NULLS ON

GO

SET QUOTED\_IDENTIFIER ON

GO

ALTER PROCEDURE [dbo].[searchSdtNHACC]

@ma NVARCHAR(50)

AS

BEGIN

SELECT \* FROM NHACC

WHERE sdt LIKE @ma+ '%'

END

USE [QuanLyBanSach]

GO

/\*\*\*\*\*\* Object: StoredProcedure [dbo].[searchSdtNv] \*\*\*\*\*\*/

SET ANSI\_NULLS ON

GO

SET QUOTED\_IDENTIFIER ON

GO

ALTER PROCEDURE [dbo].[searchSdtNv]

@ma NVARCHAR(50)

AS

BEGIN

SELECT \* FROM NHANVIEN

WHERE sdt LIKE @ma+ '%'

END

USE [QuanLyBanSach]

GO

/\*\*\*\*\*\* Object: StoredProcedure [dbo].[searchSdtTACGIA] \*\*\*\*\*\*/

SET ANSI\_NULLS ON

GO

SET QUOTED\_IDENTIFIER ON

GO

ALTER PROCEDURE [dbo].[searchSdtTACGIA]

@ma NVARCHAR(50)

AS

BEGIN

SELECT \* FROM TACGIA

WHERE sdt LIKE '%'+ @ma+ '%'

END

USE [QuanLyBanSach]

GO

/\*\*\*\*\*\* Object: StoredProcedure [dbo].[searchTenKHACH] \*\*\*\*\*\*/

SET ANSI\_NULLS ON

GO

SET QUOTED\_IDENTIFIER ON

GO

ALTER PROCEDURE [dbo].[searchTenKHACH]

@ma NVARCHAR(50)

AS

BEGIN

SELECT \* FROM KHACH

WHERE hotenkh LIKE '%'+ @ma+ '%'

END

USE [QuanLyBanSach]

GO

/\*\*\*\*\*\* Object: StoredProcedure [dbo].[searchTenNHACC \*\*\*\*\*\*/

SET ANSI\_NULLS ON

GO

SET QUOTED\_IDENTIFIER ON

GO

ALTER PROCEDURE [dbo].[searchTenNHACC]

@ma NVARCHAR(50)

AS

BEGIN

SELECT \* FROM NHACC

WHERE tenncc LIKE '%'+ @ma+ '%'

END

USE [QuanLyBanSach]

GO

/\*\*\*\*\*\* Object: StoredProcedure [dbo].[searchTenTACGIA] \*\*\*\*\*\*/

SET ANSI\_NULLS ON

GO

SET QUOTED\_IDENTIFIER ON

GO

ALTER PROCEDURE [dbo].[searchTenTACGIA]

@ma NVARCHAR(50)

AS

BEGIN

SELECT \* FROM TACGIA

WHERE tentg LIKE '%'+ @ma+ '%'

END

USE [QuanLyBanSach]

GO

/\*\*\*\*\*\* Object: StoredProcedure [dbo].[searchTenTHELOAI] \*\*\*\*\*\*/

SET ANSI\_NULLS ON

GO

SET QUOTED\_IDENTIFIER ON

GO

ALTER PROCEDURE [dbo].[searchTenTHELOAI]

@ma NVARCHAR(50)

AS

BEGIN

SELECT \* FROM THELOAI

WHERE tentl LIKE '%'+ @ma+ '%'

END

USE [QuanLyBanSach]

GO

/\*\*\*\*\*\* Object: StoredProcedure [dbo].[searchTK] \*\*\*\*\*\*/

SET ANSI\_NULLS ON

GO

SET QUOTED\_IDENTIFIER ON

GO

ALTER PROCEDURE [dbo].[searchTK]

@ma NVARCHAR(50)

AS

BEGIN

SELECT \* FROM dbo.TaiKhoan

WHERE uname LIKE '%'+ @ma+ '%'

END

USE [QuanLyBanSach]

GO

/\*\*\*\*\*\* Object: StoredProcedure [dbo].[searchBy2TongTien] \*\*\*\*\*\*/

SET ANSI\_NULLS ON

GO

SET QUOTED\_IDENTIFIER ON

GO

create PROCEDURE [dbo].[searchBy1TongTien]

@t As int,

@tt As int

AS

BEGIN

SELECT \* FROM PHIEUNHAP

WHERE tongtien between @t and @tt

END

\* **TRIGGER trên bảng CHITIETHD:**

USE [QuanLyBanSach]

GO

/\*\*\*\*\*\* Object: Trigger [dbo].[TinhTienHD] \*\*\*\*\*\*/

SET ANSI\_NULLS ON

GO

SET QUOTED\_IDENTIFIER ON

GO

ALTER TRIGGER [dbo].[TinhTienHD] on [dbo].[CHITIETHD]

for insert,update

as

begin

declare @soluong int

declare @giaban int

declare @mahd nvarchar(50),@mas nvarchar(50)

set @soluong =(select soluong from inserted)

set @giaban=(select giaban from inserted)

set @mahd=(select mahd from inserted)

set @mas=(select mas from inserted)

begin

update CHITIETHD

SET thanhtien=@soluong\*@giaban where mas=@mas and mahd=@mahd

end

end

USE [QuanLyBanSach]

GO

/\*\*\*\*\*\* Object: Trigger [dbo].[TongTienHD] \*\*\*\*\*\*/

SET ANSI\_NULLS ON

GO

SET QUOTED\_IDENTIFIER ON

GO

ALTER TRIGGER [dbo].[TongTienHD] on [dbo].[CHITIETHD]

for insert,update

as

begin

declare @sumThanhTien int

declare @mahd nvarchar(50)

set @mahd=(select mahd from inserted)

set @sumThanhTien=(select sum(thanhtien) from CHITIETHD where mahd=@mahd)

begin

update HOADON

SET tongtien=@sumThanhTien where mahd=@mahd

end

end

- Xóa, sửa, thêm ở bảng CHITIETHD thì số lượng tồn ở bảng sách được cập nhật

USE [QuanLyBanSach]

GO

/\*\*\*\*\*\* Object: Trigger [dbo].[trigger\_delete\_cthd] \*\*\*\*\*\*/

SET ANSI\_NULLS ON

GO

SET QUOTED\_IDENTIFIER ON

GO

ALTER trigger [dbo].[trigger\_delete\_cthd] on [dbo].[CHITIETHD]

for delete

as

begin

declare @soluong int

declare @new\_mas\_cthd nvarchar(50)

declare @new\_mahd\_cthd nvarchar(50)

set @soluong=(select S.mas from deleted D join SACH S on S.mas=D.mas)

set @new\_mas\_cthd=(select deleted.mas from deleted)

set @new\_mahd\_cthd =(select deleted.mahd from deleted)

begin

update SACH

set soluongton=soluongton+@soluong

where SACH.mas=@new\_mahd\_cthd

commit transaction

end

end

/\*Cập nhật số lượng bảng SACH

-Mỗi khi thêm mới, cập nhật trong bản CHITIETPN thì số lượng sách tăng lên

\*/

USE [QuanLyBanSach]

GO

/\*\*\*\*\*\* Object: Trigger [dbo].[trigger\_insert\_update\_cthd] \*\*\*\*\*\*/

SET ANSI\_NULLS ON

GO

SET QUOTED\_IDENTIFIER ON

GO

ALTER trigger [dbo].[trigger\_insert\_update\_cthd] ON [dbo].[CHITIETHD]

for insert,update

as

IF update (SOLUONG) --Kiểm tra việc cập nhật trên cột

BEGIN

DECLARE @SL1 int,@SL2 int, @sc int, @mas nvarchar(50)

set @mas = (select mas from inserted)

SET @SL1=(SELECT soluong FROM deleted)

SET @SL2=(SELECT soluong FROM INSERTED)

SET @sc=(SELECT s.soluongton FROM sach s, inserted i where s.mas = i.mas )

IF(@SL2>@sc)

BEGIN

PRINT N'không đủ hàng bán'

ROLLBACK TRAN -- Câu lệnh quay lui khi thực hiện biến cố không thành công

END

if @SL2=@sc

BEGIN

update sach

set soluongton = 0 where mas = @mas

END

if(@SL2 <@sc)

--PRINT 'ok ban hang'

--COMMIT TRAN

begin

if(@SL2>@SL1)--tức là update làm tăng slg hàng bán, dẫn đến slg còn giảm thêm 1 lượng (sl2-sl1)

begin

update sach

set soluongton = @sc -(@SL2-@SL1) where mas = @mas

end

else --tức là update làm giảm slg hàng bán, dẫn đến slg còn tăng thêm 1 lượng (sl1-sl2)

begin

update sach

set soluongton = @sc +(@SL1-@SL2) where mas = @mas

end

end

END

**\* TRIGGER trên bảng CHITIETPN**

USE [QuanLyBanSach]

GO

/\*\*\*\*\*\* Object: Trigger [dbo].[TinhTien] \*\*\*\*\*\*/

SET ANSI\_NULLS ON

GO

SET QUOTED\_IDENTIFIER ON

GO

ALTER TRIGGER [dbo].[TinhTien] on [dbo].[CHITIETPN]

for insert,update

as

begin

declare @soluong int

declare @gianhap int

declare @mapn nvarchar(50),@mas nvarchar(50)

set @soluong =(select soluong from inserted)

set @gianhap=(select gianhap from inserted)

set @mapn=(select mapn from inserted)

set @mas=(select mas from inserted)

begin

update CHITIETPN

SET thanhtien=@soluong\*@gianhap where mas=@mas and mapn=@mapn

end

end

USE [QuanLyBanSach]

GO

/\*\*\*\*\*\* Object: Trigger [dbo].[TongTien \*\*\*\*\*\*/

SET ANSI\_NULLS ON

GO

SET QUOTED\_IDENTIFIER ON

GO

ALTER TRIGGER [dbo].[TongTien] on [dbo].[CHITIETPN]

for insert,update

as

begin

declare @sumThanhTien int

declare @mapn nvarchar(50)

set @mapn=(select mapn from inserted)

set @sumThanhTien=(select sum(thanhtien) from CHITIETPN where mapn=@mapn)

begin

update PHIEUNHAP

SET tongtien=@sumThanhTien where mapn=@mapn

end

end

USE [QuanLyBanSach]

GO

/\*\*\*\*\*\* Object: Trigger [dbo].[trigger\_delete\_ctpn] \*\*\*\*\*\*/

SET ANSI\_NULLS ON

GO

SET QUOTED\_IDENTIFIER ON

GO

ALTER trigger [dbo].[trigger\_delete\_ctpn] on [dbo].[CHITIETPN]

for delete

as

begin

declare @soluong int

declare @new\_mapn nvarchar(50)

set @soluong=(select S.soluongton from deleted D join SACH S on S.mas=D.mas)

set @new\_mapn=(select deleted.mas from deleted)

begin

if @soluong>0

begin

update SACH

set soluongton=soluongton-@soluong

where SACH.mas=@new\_mapn

commit transaction

end

else

begin

RAISERROR(N'Không thể xóa vì số lượng sách đã hết',16,1)

ROLLBACK TRAN

end

end

end

USE [QuanLyBanSach]

GO

/\*\*\*\*\*\* Object: Trigger [dbo].[trigger\_insert\_update\_ctpn] \*\*\*\*\*\*/

SET ANSI\_NULLS ON

GO

SET QUOTED\_IDENTIFIER ON

GO

ALTER trigger [dbo].[trigger\_insert\_update\_ctpn] on [dbo].[CHITIETPN]

for insert, update

as

begin

declare @soluong int

set @soluong=(select inserted.soluong from inserted)

declare @new\_mapn nvarchar(50)

set @new\_mapn=(select inserted.mas from inserted)

begin

update SACH

set soluongton=soluongton+@soluong

where SACH.mas=@new\_mapn

end

end

# CHƯƠNG 5. KẾT LUẬN

Công nghệ thông tin mở ra triển vọng to lớn trong việc đổi mới các phương pháp và hình thức dạy học. Những phương pháp dạy học theo cách tiếp cận kiến tạo, phương pháp dạy học theo dự án, dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề càng có nhiều điều kiện để ứng dụng rộng rãi.

Tiếp thu và ứng dụng những thành tựu của CNTT trong công việc kinh doanh. Cùng với việc sử dụng CNTT thực hành cho công việc quản lý, rất cần có những hệ thống quản lý hiệu quả và tối ưu nhất, để góp phần tăng lên tính tích cực của chủ cửa hàng.

**Kết quả đạt được**

Sau thời gian nghiên cứu và thực hiện, đề tài đã đạt được các yêu cầu đề ra như sau: xây dựng hệ cơ sở dữ liệu ***quản lý nhà sách*** trên SQL Server.

* Xây dựng hoàn chỉnh cơ sở dữ liệu về quản lý các sự kiện của nhà sách cũng như một hệ thống nhà sách...
* Thống kê doanh thu theo ngày/ tháng/ quý/ năm.
* Ứng dụng được các câu lệnh Trigger trong việc xây dựng hệ cơ sở dữ liệu.